

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN
VÀ DOANH NGHIỆP TỈNH NAM ĐỊNH
BAN TỔ CHỨC

*

Số 257-CV/BTCĐUK
V/v sao gửi các văn bản của Trung ương

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nam Định, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trực thuộc

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy Khối, Ban Tổ chức Đảng ủy Khối gửi tới các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trực thuộc 02 văn bản của Trung ương, cụ thể:

1- Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng,

2- Công văn số 7619-CV/BTCTW, ngày 30/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn khung Quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở.

Đề nghị các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trực thuộc triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định, hướng dẫn trong các văn bản trên của Trung ương. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng phản ánh kịp thời về Đảng ủy Khối (qua Ban Tổ chức Đảng ủy Khối)./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu.

TRƯỞNG BAN

Đặng Vũ Cường

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 190-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY NAM ĐỊNH

VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG

Số: 497/L Ngày: 17/10/2024

Chuyên: Đ/S... B.T... P.B.T.....

Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH

1. Ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng kèm theo Quyết định này.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện Quy chế. Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện Quy chế.

3. Quy chế này thay thế Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ



Tô Lâm

QUY CHẾ BẦU CỬ TRONG ĐẢNG
(Kèm theo Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử tại đại hội chi bộ, đại hội đảng bộ các cấp; bầu cử ở hội nghị ban chấp hành, hội nghị uỷ ban kiểm tra.

Việc bầu cử ở Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng do Đại hội quyết định.

Cấp uỷ, tổ chức đảng giới thiệu đảng viên ứng cử các chức danh lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được vận dụng theo Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử trong Đảng thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ; bình đẳng, trực tiếp, đa số quá bán. Kết quả bầu cử từ chi bộ đến đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được chuẩn y của cấp uỷ có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Hình thức bầu cử

1. Bỏ phiếu kín thực hiện trong các trường hợp:

- Bầu ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp uỷ); bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ.

- Bầu Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư.

- Bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

- Bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Lấy phiếu xin ý kiến về các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử.

- Giới thiệu đảng viên ứng cử các chức danh lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2. Biểu quyết giơ tay (sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết) thực hiện trong các trường hợp:

- Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị (đoàn chủ tịch đại hội, đoàn thư ký, thư ký đại hội, chủ tịch hội nghị, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban kiểm phiếu).

- Thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

Chương II

NHIỆM VỤ CỦA CẤP ỦY TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI, CÁC TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH VÀ GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ

Điều 4. Nhiệm vụ của cấp ủy triệu tập đại hội

1. Chuẩn bị đề án nhân sự đại biểu dự đại hội cấp trên; đề án nhân sự cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và các điều kiện để tổ chức hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp mình theo quy định.

2. Tiếp nhận hồ sơ ứng cử vào cấp ủy của đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội (gửi đến cấp ủy trước khi đại hội chính thức khai mạc chậm nhất là 15 ngày làm việc) để chỉ đạo thẩm tra và chuyển đoàn chủ tịch báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

3. Thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định. Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày làm việc.

4. Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu.

5. Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch để trả lời các vấn đề do đảng viên, đại biểu đại hội yêu cầu liên quan đến các ứng cử viên.

6. Chuẩn bị tài liệu cho cấp ủy khoá mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp ủy, ủy ban kiểm tra khoá mới của cấp mình trong phiên họp lần thứ nhất.

7. Chuẩn bị số lượng, danh sách và nhân sự đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội, đoàn thư ký, thư ký đại hội, ban thẩm tra tư cách đại biểu để trình đại hội xem xét, biểu quyết thông qua.

Điều 5. Nhiệm vụ của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội

1. Điều hành việc bầu cử.
2. Hướng dẫn đề đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn cấp uỷ viên, số lượng, cơ cấu cấp uỷ; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.
3. Đề cử danh sách nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội chuẩn bị. Hướng dẫn việc ứng cử, đề cử.
4. Tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định.
5. Lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với những người ứng cử, được đề cử. Lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội thông qua số lượng và danh sách bầu cử.
6. Giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu để đại hội biểu quyết. Chỉ đạo hoạt động của ban kiểm phiếu, phổ biến quy tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.
7. Giải đáp những ý kiến của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử.
8. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ cấp trên trực tiếp và chỉ đạo thực hiện đúng đề án nhân sự ban thường vụ cấp uỷ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ đã được cấp có thẩm quyền thông qua cho đến khi bầu được ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ khoá mới.

Điều 6. Nhiệm vụ của đoàn thư ký, thư ký đại hội

1. Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội, của đại hội liên quan đến bầu cử.
2. Giúp đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội tổng hợp kết quả ứng cử, đề cử phục vụ cho việc lập danh sách bầu cử trước khi đại hội bầu ban kiểm phiếu.
3. Quản lý và phát tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội. Thu nhận, bảo quản và giúp đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội gửi đến cấp uỷ khoá mới (qua văn phòng cấp uỷ) đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

Điều 7. Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội

1. Xem xét báo cáo của cấp uỷ triệu tập đại hội về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

2. Xem xét, kết luận các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp uỷ các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch đề trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức đã được triệu tập.

3. Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu là cơ quan giúp việc bầu cử của đại hội do đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu gồm một số đại biểu chính thức trong đại hội đại biểu, hoặc một số đảng viên chính thức trong đại hội đảng viên không có tên trong danh sách bầu cử.

Số lượng, danh sách thành viên và trưởng ban kiểm phiếu ở đại hội các cấp do đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội lựa chọn, giới thiệu; đại hội biểu quyết thông qua.

Trưởng ban kiểm phiếu điều hành hoạt động của ban kiểm phiếu, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội về hoạt động của ban kiểm phiếu.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu, phát phiếu trực tiếp cho đại biểu (hoặc theo đoàn đại biểu), kiểm số phiếu phát ra và số phiếu thu về báo cáo đại hội, kiểm phiếu bầu.

- Xem xét và kết luận về các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội.

- Lập biên bản kiểm phiếu báo cáo với đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội và công bố kết quả bầu cử; ký vào biên bản bầu cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội để bàn giao cho cấp uỷ khoá mới lưu trữ theo quy định.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội. Nhân viên kỹ thuật phục vụ việc kiểm phiếu do ban kiểm phiếu trực tiếp điều hành và giám sát.

- Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

Chương III

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ, DANH SÁCH BẦU CỬ, PHIẾU BẦU CỬ

Điều 9. Ứng cử và thủ tục ứng cử

1. Ứng cử được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đảng viên chính thức ứng cử tại đại hội đảng viên mà mình là thành viên của tổ chức đảng đó. Đại biểu chính thức của đại hội ứng cử tại đại hội đại biểu.

b) Đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội làm đơn ứng cử ở đại hội tổ chức cơ sở đảng hoặc làm hồ sơ ứng cử để được bầu vào cấp uỷ của đại hội đại biểu từ cấp huyện và tương đương trở lên.

c) Ủy viên ban chấp hành ứng cử để được bầu vào ban thường vụ; uỷ viên ban thường vụ ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư; trường hợp cấp uỷ chỉ bầu bí thư, phó bí thư, không bầu ban thường vụ thì cấp uỷ viên có quyền ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này). Trường hợp đại hội chi bộ không bầu chi uỷ, đảng viên chính thức có quyền ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư.

d) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ứng cử để được bầu vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị ứng cử để được bầu làm Tổng Bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

đ) Cấp uỷ viên ứng cử để được bầu vào uỷ ban kiểm tra, uỷ viên ban thường vụ ứng cử để được bầu làm chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp mình (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

e) Ủy viên uỷ ban kiểm tra ứng cử để được bầu làm phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

2. Thủ tục ứng cử:

a) Đảng viên chính thức ở đại hội đảng viên ứng cử trực tiếp tại đại hội hoặc gửi đơn tới đoàn chủ tịch đại hội. Ở đại hội đại biểu cấp cơ sở, đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội nếu ứng cử thì làm đơn ứng cử nộp cho cấp uỷ cơ sở.

b) Đại biểu chính thức ở đại hội đại biểu ứng cử trực tiếp tại đại hội hoặc gửi đơn tới đoàn chủ tịch đại hội.

c) Cấp uỷ viên ứng cử trực tiếp tại hội nghị cấp uỷ để được bầu vào ban thường vụ (Bộ Chính trị, Ban Bí thư), uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

d) Uỷ viên uỷ ban kiểm tra ứng cử trực tiếp tại hội nghị uỷ ban kiểm tra để được bầu làm phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

đ) Đảng viên không phải là đại biểu của đại hội nếu ứng cử vào cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên, thì chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội phải hoàn chỉnh hồ sơ ứng cử nộp cơ quan tổ chức của cấp uỷ triệu tập đại hội. Hồ sơ ứng cử gồm có:

- Đơn ứng cử.
- Bản khai lý lịch được xác nhận của cấp uỷ cơ sở.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập của cá nhân và gia đình theo quy định.
- Giấy chứng nhận sức khoẻ.
- Bản nhận xét của cấp uỷ cơ sở nơi sinh hoạt, công tác và nơi cư trú theo quy định.
- Kết luận tiêu chuẩn chính trị của cấp uỷ có thẩm quyền theo quy định.
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị (có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền).

Cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt và nơi đảng viên cư trú có trách nhiệm xác nhận, nhận xét về người ứng cử. Những vấn đề cần thẩm tra, xác minh nếu vượt quá thẩm quyền thì đề nghị cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Cơ quan tổ chức của cấp uỷ triệu tập đại hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tư cách của người ứng cử.

Điều 10. Đề cử và thủ tục đề cử

1. Đề cử được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đoàn chủ tịch (chủ tịch) đại hội (hội nghị) đề cử danh sách nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị.

b) Ở đại hội đảng viên, đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị đều có quyền đề cử đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ

để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc để được bầu vào cấp uỷ cấp mình.

c) Ở đại hội đại biểu, đại biểu chính thức đề cử những đảng viên là đại biểu và những đảng viên chính thức không phải là đại biểu của đại hội đảng bộ cấp mình để được bầu vào cấp uỷ; đề cử đại biểu chính thức của đại hội cấp mình để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

d) Uỷ viên ban chấp hành đề cử uỷ viên ban chấp hành khác để được bầu vào ban thường vụ tại hội nghị ban chấp hành; đề cử uỷ viên ban thường vụ để được bầu làm bí thư, phó bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

đ) Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề cử Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khác để được bầu vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương; đề cử Uỷ viên Bộ Chính trị để được bầu làm Tổng Bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

e) Uỷ viên ban chấp hành đề cử uỷ viên ban chấp hành khác để được bầu làm uỷ viên uỷ ban kiểm tra; đề cử uỷ viên uỷ ban kiểm tra để được bầu làm chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

g) Uỷ viên uỷ ban kiểm tra đề cử uỷ viên uỷ ban kiểm tra khác để được bầu làm phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

2. Thủ tục đề cử:

a) Ở đại hội đảng viên, đảng viên đề cử đảng viên chính thức của tổ chức đảng cấp mình bằng hình thức đề cử trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi đoàn chủ tịch đại hội. Ở đại hội đại biểu cấp cơ sở, việc đề cử đảng viên chính thức không phải là đại biểu chính thức của đại hội để được bầu vào cấp uỷ bằng văn bản, có ý kiến đồng ý của người được đề cử.

b) Ở đại hội đại biểu cấp huyện và tương đương trở lên, đại biểu chính thức của đại hội đề cử những đảng viên là đại biểu và những đảng viên chính thức không phải là đại biểu của đại hội đảng bộ cấp mình để được bầu vào cấp uỷ; đề cử đại biểu chính thức của đại hội cấp mình để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đại biểu chính thức của đại hội khi đề cử đảng viên không phải là đại biểu của đại hội để bầu vào cấp uỷ thì phải đề cử bằng văn bản kèm hồ sơ của người đó theo quy định và phải được sự đồng ý của người được đề cử bằng văn bản.

c) Cấp uỷ triệu tập đại hội có nhiệm vụ giúp đại hội thẩm tra, xác minh lý lịch, tiêu chuẩn của người được đề cử, ủng hộ đại hội.

3. Người đề cử nhân sự tham gia cấp uỷ tại đại hội phải chịu trách nhiệm trước đại hội về tiêu chuẩn, điều kiện tham gia cấp uỷ của người mà mình đề cử. Sau đại hội, nếu xác minh người được đề cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì tùy theo mức độ vi phạm, người đề cử sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của Đảng.

Điều 11. Việc ứng cử, đề cử của cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư

1. Cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do cấp uỷ đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của cấp uỷ.

2. Ở các hội nghị của ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do ban thường vụ cấp uỷ đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của ban thường vụ cấp uỷ.

3. Ở các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do Bộ Chính trị đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của Bộ Chính trị.

Điều 12. Ứng cử, đề cử làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp

1. Ở đại hội đảng viên, chỉ đảng viên chính thức mới được ứng cử ở đại hội cấp mình để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên. Đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị có quyền đề cử đảng viên chính thức để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội cấp trên.

2. Ở đại hội đại biểu, chỉ đại biểu chính thức mới được ứng cử, đề cử đại biểu chính thức ở đại hội cấp mình để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

3. Đoàn chủ tịch đại hội đề cử nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội chuẩn bị để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Điều 13. Quyền bầu cử

1. Chỉ đại biểu chính thức của đại hội đại biểu các cấp và đảng viên chính thức của đại hội đảng viên mới có quyền bầu cấp uỷ cấp mình và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

2. Ở đại hội đảng viên, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị không có quyền bầu cử.

Điều 14. Quy định về số dư và danh sách bầu cử

1. Số lượng ứng cử viên trong danh sách bầu cử cấp uỷ và ban thường vụ cấp uỷ phải nhiều hơn số lượng cần bầu; số dư tối đa do đại hội (hội nghị) quyết định nhưng không quá 30% số lượng cần bầu, trong đó cấp uỷ triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị số lượng nhân sự cấp uỷ và ban thường vụ có số dư từ 10% - 15%.

2. Danh sách ứng cử viên do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị là danh sách đề cử chính thức với đại hội (hội nghị).

3. Đại hội (hội nghị) thảo luận và biểu quyết lập danh sách như sau:

- Người ứng cử, người được đề cử mà không được cấp uỷ triệu tập đại hội đề cử phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và phải được từ trên 30% tổng số đại biểu (đảng viên) dự đại hội (hội nghị) đồng ý giới thiệu mới được đưa vào danh sách để đại hội (hội nghị) xem xét, quyết định.

- Trường hợp danh sách gồm nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội đề cử, do đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử chưa đủ số dư 30% so với số lượng cần bầu thì đại hội (hội nghị) quyết định.

- Trường hợp danh sách gồm nhân sự do cấp uỷ triệu tập đề cử, do đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử nhiều hơn 30% so với số lượng cần bầu thì xin ý kiến đại hội (hội nghị) về những người được đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử. Căn cứ kết quả xin ý kiến, lựa chọn theo số phiếu đồng ý từ cao đến thấp để lập danh sách bầu cử có số dư tối đa không quá 30% so với số lượng cần bầu.

Trường hợp nhân sự đề cử, ứng cử nhiều hơn 30% số lượng cần bầu do cuối danh sách có nhiều người có số phiếu bằng nhau thì đại hội (hội nghị) xem xét, quyết định lựa chọn theo thứ tự ưu tiên cơ cấu, tuổi đảng (trường hợp có tuổi đảng bằng nhau thì đều được đưa vào danh sách bầu cử).

4. Danh sách bầu cử xếp thứ tự tên người theo vần A, B, C..., nếu có nhiều người trùng tên thì xếp theo họ; nếu trùng cả họ thì xếp theo tên đệm; nếu cả 3 dữ kiện này đều trùng thì người có tuổi đảng cao hơn được xếp tên trên.

5. Trường hợp cần bầu lấy số lượng từ 1 đến 6 người, danh sách bầu cử có số dư tối đa là 1 người.

6. Nếu bầu một lần chưa đủ số lượng quy định, có bầu tiếp hay không do đại hội (hội nghị) quyết định. Danh sách bầu cử lần sau phải có số dư lấy theo kết quả bầu cử lần trước từ cao đến thấp của những người chưa trúng cử.

Điều 15. Phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu in họ và tên những người trong danh sách bầu cử (nơi không có điều kiện in phiếu, ban kiểm phiếu đại hội ghi danh sách bầu cử trên phiếu); đóng dấu của cấp uỷ triệu tập đại hội ở góc trái phía trên của phiếu bầu, chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở (hoặc đảng bộ bộ phận) thì đóng dấu của cấp uỷ cơ sở.

Trường hợp danh sách bầu có số dư, phiếu bầu được chia làm 2 cột là: Số thứ tự, họ và tên. Người bầu cử nếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử thì gạch giữa cả chữ họ và tên của người mà mình không bầu.

Trường hợp danh sách bầu không có số dư, phiếu bầu được chia làm 4 cột là: Số thứ tự, họ và tên; đồng ý; không đồng ý. Người bầu cử lựa chọn để đánh dấu X vào ô đồng ý hoặc ô không đồng ý tương ứng với họ và tên người trong danh sách bầu cử.

2. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ:

- Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu; phiếu bầu mà danh sách bầu cử chỉ có một người, người bầu cử đánh dấu X vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý; phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) tương ứng với họ và tên của một người hoặc một số người trong danh sách bầu cử.

- Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử nhiều người; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc để trống cả hai ô trong danh sách bầu cử chỉ có một người; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý tương ứng với họ và tên của tất cả những người trong danh sách bầu cử có nhiều người; phiếu bầu người ngoài danh sách bầu cử; phiếu có đánh dấu hoặc dùng nhiều loại mực; phiếu ký tên hoặc viết thêm.

Điều 16. Danh sách trích ngang của các ứng cử viên

Từ đại hội đảng bộ cơ sở trở lên, trước khi tiến hành bỏ phiếu chính thức, đoàn chủ tịch đại hội cung cấp danh sách trích ngang của các ứng cử viên (xếp thứ tự như danh sách bầu cử) để đại biểu nghiên cứu trước.

Chương IV **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BẦU CỬ**

Điều 17. Bầu cấp uỷ

1. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo với đại hội về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng của cấp uỷ khoá mới do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội chuẩn bị, đại hội thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu cấp uỷ khoá mới, biểu quyết về số lượng cấp uỷ viên (theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên về khung số lượng cấp uỷ viên ở mỗi đảng bộ).

2. Đoàn chủ tịch đại hội đề cử danh sách nhân sự do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội chuẩn bị.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Đoàn chủ tịch tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử, đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với các trường hợp ứng cử, được đề cử.

5. Lập danh sách bầu cử; lấy biểu quyết của đại hội thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

6. Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu gồm một trưởng ban và một số uỷ viên là những đại biểu không có tên trong danh sách bầu cử. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ban kiểm phiếu.

7. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu; kiểm tra và niêm phong thùng phiếu trước khi bỏ phiếu; phát phiếu bầu cử cho đại biểu. Đại hội tiến hành bầu cử; ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tổng số phiếu phát ra, thu về báo cáo đại hội; kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử cấp uỷ khoá mới.

8. Đại hội chi bộ trực tiếp bầu chi uỷ, sau đó bầu bí thư, phó bí thư trong số chi uỷ viên; nơi không bầu chi uỷ thì chi bộ bầu bí thư, nếu cần thì bầu một phó bí thư chi bộ.

9. Đại hội đảng bộ từ cấp cơ sở đến đảng bộ trực thuộc Trung ương, nếu thực hiện việc bầu trực tiếp chức danh bí thư thì sau khi bầu cử cấp uỷ, tiến hành lấy phiếu giới thiệu của đảng viên hoặc đại biểu của đại hội đối với chức danh bí thư; tổng hợp phiếu giới thiệu, báo cáo với cấp uỷ cấp trên trước khi tiến hành bầu cử chức danh bí thư. Sau khi cấp uỷ cấp trên có ý kiến chỉ đạo mới tiến hành bầu cử chức danh bí thư.

Điều 18. Bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

1. Khi bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, danh sách bầu đại biểu chính thức và dự khuyết được lập chung một danh sách; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu có số phiếu được bầu nhiều hơn một nửa so với số đảng viên được triệu tập hoặc nhiều hơn một nửa so với số đại biểu được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết được lấy trong số các đại biểu đó theo kết quả được bầu từ cao xuống thấp. Nếu còn thiếu đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu tiếp hay không bầu tiếp do đại hội quyết định.

2. Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần trước hay không do đại hội quyết định.

Điều 19. Bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị ở phiên họp đầu tiên của cấp uỷ khoá mới

1. Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư khoá trước được tái cử hoặc đồng chí được cấp uỷ cấp trên uỷ nhiệm (nếu bí thư, phó bí thư khoá trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc và chủ trì phiên họp cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị. Riêng ở Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 23 Quy chế này.

2. Bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị với số lượng từ 1 đến 3 đồng chí; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng là 5 đồng chí.

3. Đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị (sau đây gọi chung là đoàn chủ tịch) báo cáo đề cấp uỷ thông qua chương trình làm việc và tiến hành các thủ tục bầu cử.

Điều 20. Bầu ban thường vụ

Số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ được bầu thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, nhiều nhất không quá 1/3 số lượng cấp uỷ viên do đại hội đã bầu.

1. Đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu và đề nghị số lượng uỷ viên ban thường vụ cần bầu.

2. Hội nghị cấp uỷ thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu ban thường vụ, biểu quyết số lượng uỷ viên ban thường vụ.

3. Đoàn chủ tịch báo cáo danh sách những đồng chí được cấp uỷ khoá trước giới thiệu vào ban thường vụ khoá mới.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Họp tổ để thảo luận (nếu cần).

6. Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

7. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử ban thường vụ.

8. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 21. Bầu bí thư, phó bí thư cấp uỷ

Những đồng chí ứng cử hoặc được đề cử vào danh sách để bầu giữ chức vụ bí thư, phó bí thư phải là những đồng chí đã trúng cử uỷ viên ban thường vụ; nơi không có ban thường vụ thì những đồng chí ứng cử, được đề cử giữ chức vụ bí thư, phó bí thư phải là những đồng chí đã trúng cử cấp uỷ viên.

Số lượng phó bí thư được bầu ở mỗi cấp uỷ thực hiện theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên.

1. Đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo về yêu cầu bầu bí thư, phó bí thư.

2. Đoàn chủ tịch báo cáo với hội nghị những đồng chí được cấp uỷ khoá trước và cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu giữ chức bí thư, phó bí thư; báo cáo kết quả phiếu giới thiệu của đại hội đối với chức danh bí thư (nếu có).

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

5. Lập danh sách bầu cử; hội nghị biểu quyết danh sách bầu cử bí thư, phó bí thư.

6. Bầu cử (bầu bí thư trước, bầu phó bí thư sau).

7. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Sau khi được bầu, bí thư điều hành ngay công việc của cấp uỷ khoá mới, được ký văn bản với chức danh bí thư; bí thư khoá trước bàn giao công việc cho bí thư mới trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có bí thư mới. Trường hợp

chưa bầu được chức danh bí thư thì cấp uỷ khoá mới thống nhất phân công một đồng chí phó bí thư ký các văn bản với chức danh phó bí thư.

Đồng chí phó bí thư đảng uỷ quân sự cấp tỉnh, cấp huyện được ký các văn bản với chức danh phó bí thư ngay sau khi được bầu.

Điều 22. Bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra

Uỷ ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do hội nghị cấp uỷ cùng cấp bầu; thành viên uỷ ban kiểm tra gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ. Đại hội chi bộ, đảng uỷ bộ phận không bầu uỷ ban kiểm tra.

1. Đoàn chủ tịch báo cáo với hội nghị về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp uỷ cấp trên trực tiếp để hội nghị xem xét, quyết định.

2. Hội nghị thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, biểu quyết số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

3. Đoàn chủ tịch báo cáo với hội nghị danh sách những đồng chí được cấp uỷ khoá trước giới thiệu để bầu uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra và ý kiến của ban thường vụ khoá mới.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Đoàn chủ tịch tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử, đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

6. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

7. Bầu uỷ viên uỷ ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

8. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

9. Uỷ ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra đã được bầu.

Sau khi được bầu, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra điều hành ngay công việc của uỷ ban kiểm tra khoá mới, được ký các văn bản với chức danh chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

Điều 23. Bầu Bộ Chính trị

1. Phiên họp thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Tổng Bí thư khoá trước (tái cử hoặc không tái cử) làm triệu tập viên khai mạc và chủ trì cho đến khi bầu xong Đoàn Chủ tịch hội nghị.

Trường hợp đồng chí Tổng Bí thư khoá trước không thể làm triệu tập viên thì Đoàn Chủ tịch Đại hội cử triệu tập viên.

2. Đoàn Chủ tịch Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng báo cáo về đề án và đề nghị số lượng Ủy viên Bộ Chính trị cần bầu.

3. Hội nghị thảo luận, biểu quyết về số lượng Ủy viên Bộ Chính trị.

4. Đoàn Chủ tịch báo cáo danh sách những đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước đề cử vào Bộ Chính trị.

5. Tiến hành ứng cử, đề cử.

6. Họp tổ để thảo luận.

7. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

8. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử Bộ Chính trị.

9. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 24. Bầu Tổng Bí thư

1. Đoàn Chủ tịch báo cáo về yêu cầu, tiêu chuẩn Tổng Bí thư và dự kiến nhân sự Tổng Bí thư được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước giới thiệu, ý kiến giới thiệu của Bộ Chính trị khoá mới, kết quả giới thiệu nhân sự Tổng Bí thư của Đại hội để hội nghị tham khảo.

2. Họp tổ để thảo luận và tiến hành ứng cử, đề cử.

3. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

4. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

5. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 25. Bầu Ban Bí thư

1. Đoàn chí Tổng Bí thư thay mặt Đoàn Chủ tịch Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng báo cáo về đề án và đề nghị số lượng Ủy viên Ban Bí thư cần bầu.

2. Hội nghị thảo luận, biểu quyết về số lượng Ủy viên Ban Bí thư.

3. Đoàn Chủ tịch báo cáo danh sách những đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước đề cử vào Ban Bí thư.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Họp tổ để thảo luận.

6. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

7. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử Ban Bí thư.

8. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 26. Bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Đoàn Chủ tịch báo cáo về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương để hội nghị xem xét, quyết định.

2. Hội nghị tiến hành biểu quyết về số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Đoàn Chủ tịch đề cử danh sách do Bộ Chính trị khoá trước giới thiệu bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ý kiến của Bộ Chính trị khoá mới.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

6. Lập danh sách bầu cử; hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

7. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 27. Bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Đoàn Chủ tịch báo cáo về yêu cầu, tiêu chuẩn Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; nhân sự được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước dự kiến giới thiệu (nếu có) và ý kiến giới thiệu của Bộ Chính trị khoá mới.

2. Tiến hành ứng cử, đề cử.

3. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với các trường hợp tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

4. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

5. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 28. Bầu bổ sung uỷ viên ban thường vụ; bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra

1. Ban thường vụ cấp uỷ báo cáo về yêu cầu bầu bổ sung ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ.

2. Ban thường vụ cấp uỷ báo cáo danh sách những đồng chí được ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu bổ sung vào ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Ban thường vụ cấp uỷ tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với các trường hợp tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

5. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

6. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 29. Bầu Tổng Bí thư (khi có yêu cầu); bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Bộ Chính trị báo cáo về yêu cầu bầu Tổng Bí thư; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức (chuyên từ dự khuyết lên chính thức), Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Bộ Chính trị báo cáo danh sách những đồng chí được Bộ Chính trị giới thiệu để được bầu làm Tổng Bí thư; bầu bổ sung làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Họp tổ để thảo luận (nếu cần).

5. Bộ Chính trị tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

6. Lập danh sách bầu cử; hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

7. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Chương V **TÍNH KẾT QUẢ VÀ CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ**

Điều 30. Tính kết quả bầu cử

1. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ; phiếu hợp lệ là phiếu được quy định tại Điều 15 của Quy chế này. Trường hợp phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô đồng ý, không đồng ý tương ứng với họ và tên người nào thì không tính vào kết quả bầu cử của người đó (phiếu đó vẫn được tính là phiếu hợp lệ).

2. Đối với đại hội đảng viên: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ được triệu tập

trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác, đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội, hội nghị đảng viên, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam, đảng viên chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội có lý do chính đáng được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý.

3. Đối với đại hội đại biểu: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu chính thức được triệu tập trừ số cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế.

4. Ở hội nghị cấp uỷ đề bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số cấp uỷ viên trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

5. Trường hợp số người đạt số phiếu bầu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu cao hơn lấy từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng cần bầu.

6. Nếu cuối danh sách trúng cử có nhiều người bằng phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu, thì chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch đại hội (hội nghị) lập danh sách những người ngang phiếu nhau đó để đại hội (hội nghị) bầu lại và lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau, có bầu tiếp hay không do đại hội (hội nghị) quyết định.

Điều 31. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử lập thành 3 bản có chữ ký của đồng chí thay mặt đoàn chủ tịch và trưởng ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu để đoàn chủ tịch giao cho cấp uỷ khoá mới lưu trữ.

Đoàn chủ tịch giao lại biên bản bầu cử và phiếu bầu cho cấp uỷ khoá mới để báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, chuẩn y.

2. Nội dung biên bản:

- Tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập.
- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên.

- Số đại biểu hoặc số đảng viên bị bác tư cách dự đại hội.
- Số cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội.
- Số đại biểu chính thức vắng mặt không có đại biểu dự khuyết thay thế.
- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên có mặt khi bầu.
- Số phiếu phát ra.
- Số phiếu thu về.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu đủ số lượng.
- Số phiếu bầu thiếu so với số lượng cần bầu (trong đó thiếu 1, thiếu 2...).
- Số phiếu được bầu từ cao xuống thấp của từng người trong danh sách bầu cử (tính theo tỉ lệ số đại biểu trong đại hội đại biểu hoặc đảng viên trong đại hội đảng viên được triệu tập).
- Danh sách những người trúng cử.

Điều 32. Chuẩn y kết quả bầu cử cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và uỷ viên uỷ ban kiểm tra các cấp

Đối với tổ chức đảng từ cấp chi bộ đến các đảng bộ trực thuộc Trung ương, chậm nhất là 7 ngày làm việc sau đại hội (hội nghị), cấp uỷ khoá mới phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp uỷ cấp dưới về kết quả bầu cử thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp (ở Trung ương là Bộ Chính trị, nơi có ban thường vụ thì uỷ nhiệm cho ban thường vụ) chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ.

Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, thì các đồng chí phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra mới được ký tên với chức danh tương ứng trong các văn bản của đảng bộ và của uỷ ban kiểm tra.

Chương VI XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33. Thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm Quy chế bầu cử

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội (hội nghị), nếu có đơn, thư khiếu nại về bầu cử, thì ủy ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh, kiểm tra lại và báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Nếu phát hiện thấy có sự vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp uỷ cấp trên có quyền bãi bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của hội nghị cấp uỷ cấp dưới, chỉ đạo đại hội (hội nghị) tiến hành bầu cử lại; trường hợp cá nhân đã được bầu vào cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp dưới nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, cấp uỷ cấp trên có quyền không chuẩn y công nhận cấp uỷ viên hoặc uỷ viên uỷ ban kiểm tra cấp đó.

Điều 34. Xử lý vi phạm quy chế bầu cử

Người cố tình gây cản trở cho việc bầu cử, vi phạm quy chế bầu cử, thì cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định về kỷ luật trong Đảng.

Điều 35. Thời hạn lưu trữ phiếu bầu cử

Phiếu bầu cử được ban kiểm phiếu niêm phong và chuyển cho đoàn chủ tịch để bàn giao cho cấp uỷ lưu trữ trong thời hạn 6 tháng. Trong thời gian này, nếu không có quyết định của cấp có thẩm quyền, không ai được tự ý mở niêm phong.

Quá 6 tháng, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử thì cấp uỷ cùng cấp quyết định cho huỷ số phiếu đó.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này thay thế Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI; được phổ biến đến chi bộ và thực hiện thống nhất trong Đảng.

2. Những quy định về bầu cử trong Đảng trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

3. Ban Bí thư hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quy chế này.

TỈNH ỦY NAM ĐỊNH

*

Số 1327-BS/TU

Nơi nhận:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

SAO LỤC

Nam Định, ngày 21 tháng 10 năm 2024

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÍNH VĂN PHÒNG****Lê Văn Thế**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Số 7619-CV/BTCTW

V/v hướng dẫn khung

Quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY NAM ĐỊNH

VĂN BẢN ĐẾN

Số: 02
Ngày: 02/01/2025
Chuyên: Đ.T., P.T.
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

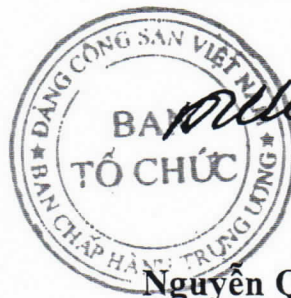
Thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị giao (Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 17/8/2022), Ban Tổ chức Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng hướng dẫn khung Quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở¹. Để triển khai thực hiện tốt nội dung này, Ban Tổ chức Trung ương đề nghị các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy cơ sở căn cứ vào hướng dẫn khung Quy chế làm việc mẫu (gửi kèm theo) xây dựng và ban hành quy chế làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quy định. Đồng thời, đề nghị các đồng chí thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các cơ quan, ban Đảng TW,
- Đồng chí Trưởng Ban (để báo cáo),
- Các đồng chí Phó Trưởng Ban,
- Ban tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các vụ, cục, đơn vị thuộc BTCTW,
- Lưu VP, Vụ CSĐ, ĐV.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Quang Dương

¹ Đảng ủy cơ sở (Mẫu 1-QCLV); Chi ủy cơ sở, chi bộ cơ sở (Mẫu 2-QCLV).

TỈNH ỦY NAM ĐỊNH

*

Số 1428-BS/TU

Nơi nhận:

- Các đ/c Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc,
- Các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*tham mưu triển khai thực hiện*),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

SAO LỤC

Nam Định, ngày 07 tháng 01 năm 2025

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG****Lê Văn Thế**

ĐẢNG BỘ.....

ĐẢNG ỦY.....

*

Số - QC/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm ...

Hướng dẫn khung Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cơ sở

(Ban hành kèm theo Công văn số 7619-CV/BTCTW, ngày 30/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương)

QUY CHẾ

làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ..... khóa..., nhiệm kỳ...

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số..., ngày... của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở...;
- Căn cứ Công văn số 7619-CV/BTCTW, ngày 30/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn khung Quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở;
- Căn cứ các văn bản của cấp ủy cấp trên *(Nêu cụ thể cho phù hợp)*;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đảng bộ...;

Ban Chấp hành Đảng bộ... khóa... , nhiệm kỳ... (sau đây gọi tắt là Đảng ủy) ban hành Quy chế làm việc như sau:

Chương I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ

Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng ủy

Đảng ủy là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội, có trách nhiệm quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy cấp trên và Nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình; lãnh đạo, thực hiện các nhiệm vụ của đảng bộ *(Cụ thể hóa theo các điều về nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở trong các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp)*.

Đối với đảng bộ cơ sở mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở, Đảng ủy cụ thể hóa các nội dung theo Điểm 10.5 Quy định thi hành Điều lệ Đảng cho phù hợp.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy (nếu có)

1. Thay mặt Đảng ủy chỉ đạo, giải quyết những công việc thường xuyên của Đảng ủy, những vấn đề đột xuất phát sinh giữa hai kỳ họp Đảng ủy. Thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của cấp trên, theo quy chế làm việc và nhiệm vụ được Đảng ủy ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Đảng ủy về các nhiệm vụ đó.

2. Quyết định chương trình làm việc của Ban Thường vụ Đảng ủy; tham mưu Đảng ủy thảo luận, thống nhất phân công công tác đối với Đảng ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

3. Triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Đảng ủy, báo cáo tình hình và đề xuất chủ trương chỉ đạo tiếp theo.

4. Thay mặt Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng theo Quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên; đại hội của các chi bộ trực thuộc; chỉ đạo đại hội của các tổ chức chính trị – xã hội ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

Nơi nào không có ban thường vụ đảng ủy thì đảng ủy thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên và những nội dung được quy định tại Điều 1.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Đảng ủy (nếu có)

Thường trực đảng ủy, gồm: Bí thư, các Phó Bí thư Đảng ủy, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo việc xây dựng chương trình làm việc định kỳ, toàn khóa và quy chế làm việc của Đảng ủy.

2. Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy, giải quyết công việc hằng ngày của Đảng ủy; chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và của cấp trên; quản lý tài chính của Đảng bộ.

3. Chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ quan, đơn vị trong việc quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy và của cấp ủy cấp trên.

Nơi nào không có thường trực đảng ủy thì ban thường vụ đảng ủy thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng ủy viên

1. Tham gia lãnh đạo tập thể của Đảng ủy, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đảng ủy về lĩnh vực được phân công phụ trách và nhiệm vụ được giao.

2. Chấp hành nghiêm sự phân công, điều động của Đảng ủy hoặc cơ quan có thẩm quyền. Tham gia vào các nhóm chuyên đề theo quyết định của Đảng ủy và Ban Thường vụ Đảng ủy, có trách nhiệm tham gia xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở địa phương, đơn vị mình sinh hoạt hoặc được phân công phụ trách.

3. Có trách nhiệm cùng Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy kiểm tra, giám sát và chỉ đạo việc thi hành nghị quyết của Đảng ủy về lĩnh vực công tác được phân công.

4. Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Đảng ủy, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng ủy; được bảo lưu ý kiến nhưng phải chấp hành nghị quyết đã thông qua. Tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy (nếu có)

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 4, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra, giám sát giải quyết những công việc và chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, cơ quan được phân công phụ trách.

2. Tham gia vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy. Chủ động đề xuất với Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách và những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

3. Có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng ủy để giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Thường vụ Đảng ủy; xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch công tác hằng tháng, năm, nhiệm kỳ.

Nơi nào không có ủy viên ban thường vụ đảng ủy thì đảng ủy viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên theo phân công của đảng ủy và những nội dung được quy định tại Điều 4.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bí thư Đảng ủy

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 4, Điều 5, Bí thư Đảng ủy còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Là người đứng đầu Đảng ủy, chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Đảng ủy; cùng Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Đảng ủy chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên trực tiếp, trước Đảng bộ mình và nhân dân ở địa phương hoặc cán bộ, đảng viên ở cơ quan, đơn vị mình.

2. Phụ trách chung, chủ trì các công việc của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Đảng ủy. Chủ động đề xuất những nội dung đề Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Đảng ủy bàn bạc quyết định, chỉ đạo tổ chức thực hiện, bảo đảm mọi hoạt động thực hiện đúng quy chế làm việc, đúng nguyên tắc của Đảng.

3. Chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ; trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát, công tác tổ chức cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ.

4. Duyệt, ký các văn bản của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy theo thẩm quyền. Ủy quyền cho đồng chí Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Đảng ủy viên theo dõi, giải quyết những công việc cần thiết, đột xuất trong phạm vi công tác của Đảng bộ. Giữ mối quan hệ với ban lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, các tổ chức có liên quan và cấp ủy cấp trên trực tiếp. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và cấp ủy cấp trên phân công.

5. Chủ trì và kết luận các cuộc họp, hội nghị của Đảng bộ, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (bao gồm cả hội nghị nội bộ và hội nghị mở rộng).

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy giao.

Cấp ủy có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, cụ thể hóa nhiệm vụ của bí thư đảng ủy cho phù hợp.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Bí thư Đảng ủy

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 4, Điều 5, Phó Bí thư Đảng ủy có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy và đồng chí Bí thư Đảng ủy về lĩnh vực công tác được phân công; chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy; tổ chức chỉ đạo việc thực hiện quy chế làm việc; chỉ đạo chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và hội nghị của Đảng bộ.

2. Điều hành và giải quyết công việc hằng ngày của Đảng ủy; ký các văn bản của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy theo thẩm quyền và khi được Bí thư Đảng ủy ủy quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy và đồng chí Bí thư Đảng ủy phân công. *(Các nhiệm vụ khác do cấp ủy cụ thể hóa cho phù hợp)*

Trường hợp có nhiều phó bí thư thì xác định trách nhiệm, quyền hạn riêng cho từng đồng chí và ghi rõ lĩnh vực công tác được phân công.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Mối quan hệ công tác với các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp trên trực tiếp

Điều 9. Mối quan hệ công tác với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy và cơ quan chuyên môn cấp trên trực tiếp

Điều 10. Mối quan hệ công tác với các tổ chức trong hệ thống chính trị cùng cấp

Điều 11. Mối quan hệ công tác với chi ủy, chi bộ trực thuộc

Điều 12. Mối quan hệ công tác với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người quản lý doanh nghiệp, người đứng đầu doanh nghiệp cùng cấp

Điều 13. Mối quan hệ công tác khác (nếu có)

Cụ thể hóa theo các điều về mối quan hệ công tác trong các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp.

Chương IV

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 14. Nguyên tắc làm việc

1. Chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của cấp ủy cấp trên; báo cáo và

chịu trách nhiệm về hoạt động của Đảng ủy trước đại hội Đảng bộ và cấp ủy cấp trên. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; các nghị quyết, quyết định, kết luận phải đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của tập thể nếu có ý kiến khác nhau thì phải biểu quyết và quyết định theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, ý kiến thiểu số được bảo lưu và có thể phản ánh lên cấp trên, nhưng không được tuyên truyền, phổ biến ra bên ngoài, đồng thời chấp hành nghị quyết.

2. Thực hiện tự phê bình và phê bình; luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, gương mẫu thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; gắn bó mật thiết với quần chúng, Nhân dân; trung thực, thẳng thắn, cầu thị với tinh thần đồng chí; phát huy tính chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là đồng chí Bí thư Đảng ủy.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; chống tư tưởng bè phái, chủ nghĩa cá nhân, bảo thủ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ.

Điều 15. Thực hiện chương trình công tác

1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy làm việc theo chương trình công tác toàn khóa và hằng năm (có thể điều chỉnh khi cần thiết). Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần (có thể ấn định ngày, thời gian họp cụ thể) và họp đột xuất khi cần thiết. Thường trực Đảng ủy làm việc theo chương trình công tác hằng tuần, hằng tháng; họp thường lệ mỗi tuần 1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.

2. Nội dung, chương trình hội nghị Đảng ủy do Thường trực Đảng ủy hoặc Ban Thường vụ Đảng ủy chuẩn bị. Điều hành hội nghị Đảng ủy là tập thể thường trực Đảng ủy, do đồng chí Bí thư Đảng ủy chủ trì. Các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng ủy phải có trên 1/2 tổng số Đảng ủy viên biểu quyết tán thành mới có hiệu lực (trừ những nội dung theo quy định phải được ít nhất 2/3 tổng số Đảng ủy viên biểu quyết nhất trí như nghị quyết, quyết định về kỷ luật, kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xóa tên đảng viên ...).

3. Khi giải quyết những nhiệm vụ được Đảng ủy ủy quyền, Ban Thường vụ Đảng ủy phải bàn tập thể và quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của tất cả các đồng chí ủy viên; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì báo cáo Đảng ủy xem xét, quyết định. Những nội dung, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng ủy thì Ban Thường vụ

Đảng ủy phải bàn và thống nhất trước khi trình; trường hợp thảo luận mà chưa thống nhất, thì báo cáo Đảng ủy và trình bày rõ các ý kiến khác nhau để Đảng ủy xem xét, quyết định.

4. Các hội nghị Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phải được ghi biên bản; ghi chép đầy đủ, thể hiện rõ ý kiến của từng thành viên và được quản lý theo quy định. Các quyết định của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phải được thể hiện bằng văn bản theo quy định và gửi đến các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo, học tập và bảo mật

1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phải thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Các đồng chí Đảng ủy viên được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tình hình công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị theo quy định của Trung ương và của ngành, lĩnh vực; phải báo cáo tình hình và kết quả các mặt công tác được phân công phụ trách với Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

3. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy tạo điều kiện thuận lợi để các đồng chí Đảng ủy viên và cán bộ, đảng viên được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Các đồng chí Đảng ủy viên phải thường xuyên tự học tập, trau dồi về phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Đồng chí Bí thư Đảng ủy là người phát ngôn chính thức trước báo chí về nhiệm vụ của Đảng bộ, các đồng chí khác chỉ thực hiện khi được sự ủy quyền và có ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Đảng ủy và thực hiện nghiêm chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn theo quy định của Đảng, Nhà nước.

5. Đối với đảng bộ thực hiện sinh hoạt đảng trực tuyến, cần đảm bảo nội dung, cách thức sinh hoạt đảng theo Hướng dẫn của Ban Bí thư và các quy định có liên quan.

Điều 17. Chế độ ban hành, quản lý văn bản

1. Văn bản của Đảng ủy được triển khai thực hiện tới các chi bộ, cơ quan, tổ chức chính trị – xã hội có liên quan ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Các đồng chí Đảng ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Các văn bản của Đảng ủy phải đảm bảo đúng thể thức theo quy định của Đảng, ký ban hành đúng thẩm quyền và được phát hành, quản lý, lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 18. Chế độ tự phê bình, phê bình và chất vấn

1. Hằng năm và cuối nhiệm kỳ, Đảng ủy và từng Đảng ủy viên phải tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân theo quy định gắn với kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ. Đảng ủy gợi ý kiểm điểm đối với các chi ủy, chi bộ, đảng viên khi cần thiết.

2. Các đồng chí Đảng ủy viên phải gương mẫu tham gia sinh hoạt đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình theo quy định và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

3. Trong các hội nghị Đảng ủy cần dành thời gian thích hợp để các đồng chí Đảng ủy viên thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn theo quy định.

Điều 19. Chế độ công tác cơ sở, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên và nhân dân

1. Hằng năm, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phân công Đảng ủy viên phụ trách, dự sinh hoạt với chi bộ trực thuộc; làm việc với một số chi ủy, bí thư chi bộ trực thuộc Đảng ủy (khi cần thiết) để nắm tình hình và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Các đồng chí Thường trực Đảng ủy chủ động xây dựng kế hoạch làm việc với cơ quan, tổ chức chính trị – xã hội có liên quan ở địa phương, cơ quan, đơn vị và tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với cán bộ, đảng viên, quần chúng.

3. Các đồng chí Đảng ủy viên phải chủ động xây dựng kế hoạch, sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình ở các đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách; gặp gỡ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị của cán bộ, đảng viên, quần chúng; phản ánh về Đảng ủy những vấn đề mới phát sinh để Đảng ủy có biện pháp giải quyết kịp thời hoặc báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Chế độ tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên và của Đảng ủy

1. Căn cứ quy định và yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên và của Đảng ủy; báo cáo với cấp trên và thông báo cho các chi ủy, chi bộ trực thuộc theo quy định.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc Thường trực Đảng ủy xây dựng báo cáo và chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên và của Đảng ủy.

Điều 21. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng ủy và cấp ủy cấp trên trên địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách; phân công đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Đảng ủy viên có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp hoạt động công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy.

2. Đảng ủy xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư, Đảng ủy viên và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

2. Căn cứ quy chế này, các chi ủy, chi bộ trực thuộc Đảng ủy xây dựng quy chế làm việc phù hợp với Quy chế này. Đảng ủy xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung và cuối nhiệm kỳ tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện quy chế làm việc.

3. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế làm việc số-QC/ĐU ngày của Ban Chấp hành Đảng bộ..... khoá..., nhiệm kỳ....

Nơi nhận: (Cụ thể cho phù hợp)

- Thường trực đảng ủy cấp trên trực tiếp (để báo cáo),
- Các ban xây dựng Đảng, văn phòng, ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên trực tiếp,
- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch HĐND; Chủ tịch UBND,
- Các đồng chí đảng ủy viên,
- Các chi bộ trực thuộc đảng ủy,
- HĐND, UBND, các tổ chức chính trị- xã hội,
- Lưu ĐU.

T/M ĐẢNG ỦY

BÍ THƯ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẢNG BỘ ...
CHI BỘ...

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số - QĐ/CB

Hướng dẫn khung Quy chế làm việc mẫu của chi ủy, chi bộ cơ sở

(Ban hành kèm theo Công văn số 7619-CV/BTCTW, ngày 30/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương)

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy chế làm việc của Chi ủy (nếu có), Chi bộ...
khóa..., nhiệm kỳ...**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số..., ngày... của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở...;
- Căn cứ Công văn số 7619-CV/BTCTW, ngày 30/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn khung quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở;
- Căn cứ các văn bản của cấp ủy cấp trên *(Nêu cụ thể cho phù hợp)*;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Chi bộ..... lần thứ..., nhiệm kỳ ...;

CHI BỘ... QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế làm việc của Chi ủy (nếu có), Chi bộ... khóa..., nhiệm kỳ...”.

Điều 2. Chi ủy (nếu có), Chi bộ, Bí thư, Phó Bí thư (nếu có), Chi ủy viên (nếu có), đảng viên trong chi bộ và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi, Chi ủy (nếu có), Chi bộ thảo luận, thống nhất quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: *(Cụ thể cho phù hợp)*

- Thường trực đảng ủy cấp trên trực tiếp (để báo cáo),
- Các ban xây dựng Đảng, văn phòng, ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên trực tiếp,
- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị,
- Các đồng chí chi ủy viên,
- Các đồng chí đảng viên trong chi bộ,
- Các tổ chức chính trị- xã hội,
- Lưu Chi bộ.

T/M CHI BỘ

BÍ THƯ

(Ký tên, đóng dấu)

QUY CHẾ

làm việc của Chi ủy (nếu có), Chi bộ... khóa..., nhiệm kỳ...
(Ban hành kèm theo Quyết định số ...- QĐ/CB, ngày... của Chi bộ...)

Chương I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ

Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi bộ

1. Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trên các mặt công tác của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ của Chi bộ theo quy định.

Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy có thẩm quyền cụ thể hóa nhiệm vụ của chi bộ cho phù hợp.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi ủy (nếu có)

1. Chi ủy được Chi bộ bầu ra để thay mặt Chi bộ thực hiện một số nhiệm vụ giữa hai kỳ Đại hội. Chi ủy chịu trách nhiệm trước Chi bộ, cấp ủy cấp trên trực tiếp về các mặt công tác của Chi bộ; có trách nhiệm đề ra các biện pháp lãnh đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết đại hội Chi bộ và các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên; lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ của Chi bộ

2. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình công tác tháng, quý, 6 tháng, năm và toàn khóa của Chi bộ; phân công công tác đối với các đồng chí Chi ủy viên; thảo luận, chuẩn bị các nội dung như báo cáo, nghị quyết... trình Chi bộ xem xét, quyết định.

3. Phổ biến, quán triệt chỉ thị, nghị quyết, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, nhiệm vụ, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị cho cán bộ, đảng viên và người lao động; nắm chắc diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng; giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên.

4. Tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy, công tác cán bộ và quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị.

5. Chuẩn bị văn kiện, nhân sự chi ủy, các điều kiện cần thiết và quyết định triệu tập đại hội Chi bộ theo quy định của Điều lệ Đảng, chỉ thị, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng theo Quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên.

7. Lãnh đạo các tổ chức chính trị – xã hội cơ quan, đơn vị về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định và Điều lệ của tổ chức (nếu có).

Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy có thẩm quyền cụ thể hóa nhiệm vụ của chi ủy cho phù hợp.

Cấp ủy có thẩm quyền cụ thể hóa theo Điều 23 Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên

Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và các nhiệm vụ do Chi bộ, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội mà mình tham gia phân công.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi uỷ viên (nếu có)

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 3, Chi uỷ viên Chi bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tham gia cùng tập thể Chi uỷ thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của Chi uỷ theo quy định của Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Chi uỷ, Chi bộ về lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Chủ động nghiên cứu, đề xuất, phản ánh kịp thời với Chi uỷ về diễn biến tư tưởng và hoạt động của các đảng viên liên quan đến công tác xây dựng đảng, xây dựng cơ quan, đoàn thể, thực hiện quy chế, nội quy, nhiệm vụ, chế độ, chính sách.

3. Nêu cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao; xây dựng đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình; tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Chi uỷ, Chi bộ; nêu cao trách nhiệm đóng góp ý kiến vào các chủ trương, nghị quyết, quyết định lãnh đạo của Chi bộ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bí thư Chi bộ

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 3, Điều 4, Bí thư Chi bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Chi ủy, Chi bộ và cấp ủy cấp trên trực tiếp về toàn bộ hoạt động của Chi bộ. Phụ trách chung và lãnh đạo trực tiếp các lĩnh vực công tác: công tác chính trị, tư tưởng; công tác tổ chức cán bộ; tài chính và bảo vệ chính trị nội bộ.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, hàng quý và chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy.

3. Chủ trì, kết luận các cuộc họp của Chi ủy, Chi bộ; chủ trì giải quyết công việc chung của chi bộ; đề xuất nhiệm vụ trọng tâm đưa ra Chi ủy, Chi bộ thảo luận, xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo xin ý kiến cấp ủy cấp trên trực tiếp; bảo đảm cho sinh hoạt của Chi bộ đúng thời gian, đúng thủ tục, đúng nguyên tắc; xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Chi bộ.

4. Thay mặt Chi ủy, Chi bộ thường xuyên giữ mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy cấp trên trực tiếp, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và với cấp ủy địa phương nơi có cán bộ, đảng viên của chi bộ cư trú và nơi trụ sở cơ quan, đơn vị đóng.

5. Ủy quyền cho Phó Bí thư chỉ đạo, giải quyết những công việc cần thiết, đột xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn của Chi ủy, Chi bộ. Thay mặt Chi ủy, Chi bộ duyệt, ký các văn bản theo thẩm quyền.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi ủy, Chi bộ giao. *(Các nhiệm vụ khác do cấp ủy cụ thể hóa cho phù hợp)*

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Bí thư Chi bộ (nếu có)

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 3, Điều 4, Phó Bí thư Chi bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Chi ủy, Chi bộ, Bí thư Chi bộ về những nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

2. Giúp bí thư xử lý công việc thường xuyên của Chi bộ, công việc do Bí thư Chi bộ ủy quyền. Ký các văn bản của Chi bộ thuộc lĩnh vực phụ trách và khi được Bí thư Chi bộ ủy quyền.

3. Trực tiếp phụ trách công tác kiểm tra, giám sát của Chi bộ. Phụ trách các tổ chức chính trị – xã hội (nếu có).

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi ủy, Chi bộ, Bí thư Chi bộ phân công. *(Các nhiệm vụ khác do cấp ủy cụ thể hóa cho phù hợp)*

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Mối quan hệ công tác với cấp ủy cấp trên trực tiếp

Điều 8. Mối quan hệ công tác với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp trên trực tiếp

Điều 9. Mối quan hệ công tác với các cơ quan chuyên môn cấp trên trực tiếp

Điều 10. Mối quan hệ công tác với cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp

Điều 11. Mối quan hệ công tác với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người quản lý doanh nghiệp, người đứng đầu doanh nghiệp cùng cấp

Điều 12. Đối với cấp ủy địa phương

Điều 13. Mối quan hệ công tác khác (nếu có)

Các mối quan hệ công tác do cấp ủy cụ thể hóa các điều trong các Quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp.

Chương IV

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 14. Nguyên tắc làm việc

1. Chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của cấp ủy cấp trên; báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của Chi ủy, Chi bộ trước đại hội Chi bộ và cấp ủy cấp trên. Chi ủy, chi bộ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của tập thể nếu có ý kiến khác nhau thì biểu quyết và quyết định theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, ý kiến thiểu số được bảo lưu và có thể phản ánh lên cấp trên, nhưng không được tuyên truyền, phổ biến ra bên ngoài, đồng thời chấp hành nghị quyết.

2. Thực hiện tự phê bình và phê bình; luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, gương mẫu thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; gắn bó mật thiết với quần chúng, Nhân dân; trung thực, thẳng thắn, cầu thị với tinh

thần đồng chí; phát huy tính chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là đồng chí Bí thư Chi bộ.

3. Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát; chống tư tưởng bè phái, chủ nghĩa cá nhân, bảo thủ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ.

Điều 15. Thực hiện chương trình công tác

1. Chi ủy, Chi bộ họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần thiết, do Bí thư Chi bộ triệu tập (có thể ấn định thời gian họp cụ thể).

2. Các cuộc họp Chi ủy, Chi bộ phải chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung và thông báo đến các đồng chí Chi ủy viên, đảng viên trong chi bộ trước (ít nhất 01 ngày đối với chi bộ không ấn định thời gian họp cụ thể), trừ cuộc họp đột xuất.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo, học tập và bảo mật

1. Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ xây dựng báo cáo của Chi bộ thường kỳ hoặc đột xuất, chuyên đề gửi đảng ủy cấp trên trực tiếp đúng thời gian quy định hoặc theo yêu cầu của cấp trên.

2. Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ kịp thời thông tin cho đảng viên trong chi bộ về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản của cấp trên.

3. Mỗi đảng viên phải thường xuyên trau dồi về phẩm chất đạo đức cách mạng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn nhằm hoàn thành chức trách, nhiệm vụ. Tham gia nghiêm túc các buổi sinh hoạt, học tập theo quy định.

4. Tất cả đảng viên nói, viết và làm đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm quy định về bảo mật thông tin của Đảng và Nhà nước; có trách nhiệm giao nộp, cung cấp, khai thác thông tin, tài liệu đúng quy định.

5. Đối với chi bộ thực hiện sinh hoạt đảng trực tuyến, cần đảm bảo nội dung, cách thức sinh hoạt đảng và vấn đề an ninh mạng theo quy định.

Điều 17. Chế độ ban hành, quản lý văn bản

1. Văn bản của Chi ủy, Chi bộ được triển khai thực hiện tới cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị – xã hội, hội quần chúng có liên quan và đảng viên trong Chi bộ. Các đồng chí Chi ủy viên hoặc Bí thư Chi bộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Văn bản của Chi ủy, Chi bộ phải đảm bảo đúng thể thức theo quy định của Đảng, ký ban hành đúng thẩm quyền và được phát hành, quản lý, lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 18. Chế độ tự phê bình, phê bình và chất vấn

1. Việc kiểm điểm tập thể, cá nhân hằng năm của Chi ủy, Chi bộ thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

2. Các đảng viên chủ động, kịp thời tham gia góp ý kiến với Chi ủy, Bí thư Chi bộ và các đảng viên khác khi phát hiện có thiếu sót, khuyết điểm hoặc có phản ánh của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3. Trong các cuộc họp Chi ủy, Chi bộ cần dành thời gian thích hợp để các đồng chí Chi ủy viên, đảng viên thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn theo quy định.

Điều 19. Chế độ công tác cơ sở, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên và nhân dân

1. Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ chủ động xây dựng kế hoạch làm việc với cơ quan, tổ chức chính trị – xã hội có liên quan trong cơ quan, đơn vị và tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với cán bộ, đảng viên, quần chúng.

2. Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ chủ động xây dựng kế hoạch, nắm chắc tình hình ở các đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách; gặp gỡ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị của cán bộ, đảng viên, quần chúng; phản ánh về Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ những vấn đề mới phát sinh để Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ có biện pháp giải quyết kịp thời hoặc báo cáo các cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Điều 20. Chế độ tổ chức sơ kết, tổng kết

1. Căn cứ quy định và yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Chi ủy, Chi bộ ban hành chương trình, kế hoạch và tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp ủy cấp trên và của Chi bộ; báo cáo với cấp ủy cấp trên trực tiếp và thông báo cho đảng viên trong Chi bộ theo quy định.

2. Chi ủy hoặc Bí thư Chi bộ xây dựng báo cáo và chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp ủy cấp trên và của Chi bộ.

Điều 21. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Chi ủy, Chi bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của cấp trên. Kết quả kiểm tra, giám sát được thông báo đến toàn thể đảng viên trong Chi bộ.

2. Đảng viên có quyền chất vấn và yêu cầu được trả lời chất vấn theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 22. Tổ chức thực hiện**

1. Các đồng chí Chi ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ, đảng viên trong chi bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

2. Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy chế làm việc; đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết; cuối nhiệm kỳ tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện quy chế làm việc.